

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

Bản án số: 05/2025/DS-ST

Ngày: 10/6/2025

"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN

NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Đức

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Xuyên và bà Phạm Thị Dung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân TP
Uông Bí

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia
phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Cường – Kiểm sát viên

Ngày 10/6/2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố Uông Bí xét
xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 02/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 01
năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa
vụ án ra xét xử số: 14/2025/QĐXXST- DS ngày 29/4/2025, quyết định hoãn phiên
tòa số: 10/2025/QĐST-DS ngày 23/5/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: khu Thanh Liễu, phường Tân H, thành phố Hải D, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Lã Thị D, sinh năm 1982;

Địa chỉ: tổ 32, khu 9, phường Quang Tr, thành phố Uông B, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do.

- Người làm chứng: Trần Văn Th, sinh năm: 1981

Địa chỉ: Số 52A phố Mạc Đĩnh Chi, phường Lê Thanh Ng, thành phố Hải D, tỉnh Hải
Dương. Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ anh Q cung cấp
trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Từ tháng 8 năm 2024 đến tháng 9 năm 2024 anh Q đã bán trứng gà, trứng vịt
cho chị Lã Thị D bằng cách vận chuyển hàng trực tiếp ra kho hàng nhà chị D hoặc
gửi theo chuyến xe đường dài bao gồm:

Lần thứ nhất: ngày 27/8/2024 vận chuyển ra kho hàng nhà chị D gồm 200
khay trứng gà to trị giá 12.600.000 đồng, 400 khay trứng gà nhỏ trị giá 24.000.000

đồng, 300 khay trứng vịt to trị giá 24.300.000 đồng, 200 khay trứng gà đỏ trị giá 11.400.000 đồng, 100 khay trứng gà bé trị giá 5.400.000 đồng, 3 thùng trứng gà ác lớn trị giá 3.960.000 đồng, 5 sọt trứng cút trắng trị giá 2.300.000 đồng. Tổng số tiền là 83.960.000 đồng. Người giao hàng là anh Trần Văn Th. Chị Lã Thị D đã ký xác nhận.

Lần thứ hai: ngày 28/8/2024 gửi xe đường dài cho chị Lã Thị D 100 khay trứng gà trị giá 6.300.000 đồng. Người giao hàng là anh Trần Văn Th. Chị Lã Thị D đã ký xác nhận.

Lần thứ ba: ngày 03/9/2024 vận chuyển ra kho hàng nhà chị D gồm: 300 khay trứng gà bé trị giá 18.000.000 đồng, 320 khay trứng gà to trị giá 20.160.000 đồng, 280 khay trứng vịt trị giá 22.680.000 đồng, 200 khay trứng gà đỏ trị giá 10.800.000 đồng. Tổng số tiền là 71.640.000 đồng. Người giao hàng là anh Trần Văn Th. Chị Lã Thị D đã ký xác nhận.

Tổng số tiền bán trứng (ba chuyến giao hàng) là 161.900.000 đồng, anh Q xác nhận chị D đã chuyển khoản trả tiền cho anh là 40.000.000 đồng. Dù anh Q nhiều lần yêu cầu chị D trả nợ nhưng chị D không trả. Như vậy, tính đến ngày 03/9/2024 chị D còn nợ anh Q số tiền gốc là 121.900.000 đồng. Anh Q đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí buộc chị Lã Thị D phải trả số tiền nợ gốc là 121.900.000 đồng và số tiền lãi theo quy định trên nợ gốc đến khi xét xử sơ thẩm và tiếp tục chịu lãi chậm trả theo quy định của pháp luật trên số nợ gốc cho đến khi trả xong.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến tòa để làm việc, nhưng chị D không đến tòa làm việc. Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương hiện chị D không có mặt tại địa phương. Chị D đã bỏ đi đâu, làm gì, ở đâu không ai biết, do đó Tòa án không ghi được lời khai và quan điểm giải quyết của chị D.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của tòa án:

Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập và lấy lời khai của người làm chứng là anh Trần Văn Th: Anh Th cho biết anh là người lái xe, nhận hàng từ anh Q chở đến kho hàng giao cho chị D. Sau khi anh Q giao hàng, anh Th đã ký vào sổ xác nhận thông tin số trứng, số tiền. Khi giao hàng cho chị D anh cũng yêu cầu chị D ký vào sổ nhận hàng và chót tiền hàng. Anh Th cũng xác định các thông tin trong sổ giao nhận hàng mà anh Q cung cấp cho Tòa án là đúng. Chữ ký trong sổ giao nhận hàng là của chị D.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vắng mặt có đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Q giữ nguyên quan điểm về yêu cầu giải quyết vụ án như trong đơn khởi kiện và bản tự khai của anh Q.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử là đúng theo Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của đương sự cơ bản đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Áp dụng Điều 357, Điều 430, Điều 433, Điều 434, Điều 440, Điều 468 BLDS năm 2015; khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q. Buộc chị Lã Thị D có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn Q số tiền nợ gốc 121.900.000 đồng và tiền lãi tiền lãi 9.379.000đ (chín triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng (làm tròn). Tổng cộng là 131.279.000đ (một trăm ba mươi một triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng (làm tròn).

- Về án phí: Đề nghị buộc các bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là chị Lã Thị D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

1.2. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Lã Thị D mua trứng gà, vịt của anh Nguyễn Văn Q và chưa trả hết tiền mua trứng cho anh Q. Nay anh Q yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị D phải trả số tiền hàng còn nợ và tiền lãi. Do đó, xác định là vụ án dân sự với quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu của người khởi kiện:

Năm 2024, chị D và anh Q thỏa Th mua bán trứng gà, trứng vịt. Anh Q có ghi sổ mỗi lần chị D lấy hàng. Giá mua bán được 2 bên thống nhất từng lần lấy hàng, không có thỏa Th về lãi chậm trả trong sổ ghi nợ. Tổng số tiền chị D mua hàng ba lần là 161.900.000 đồng. Chị D đã trả cho anh Q số tiền là 40.000.000 đồng. Do đó, tính đến 03/9/2024, chị D còn nợ anh Q số tiền mua trứng là 121.900.000 đồng. Anh Q đã nhiều lần đòi nợ nhưng đến nay chị D vẫn chưa trả được tiền cho anh Q. Do đó, anh Q yêu cầu chị D trả tiền gốc là có căn cứ chấp nhận.

Đối với tiền lãi: Theo quy định, khi bên mua chậm trả nợ thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả là phù hợp với các Điều 280, 430, 351, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao. Nguyên đơn là anh Q yêu cầu chị D phải trả lãi trên nợ gốc 121.900.000 đồng theo lãi suất Ngân hàng. Vì vậy HĐXX xác định đây là khoản nợ không có thỏa Th về lãi suất nên áp dụng lãi suất giới hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là 10%/ năm (0.0083%/ tháng và 0.00028%/ngày) để tính lãi suất chậm trả cho khoản nợ trên. Tính từ ngày 03/9/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 10/6/2025) là 09 tháng 7 ngày. Tiền lãi là $0.00833 \times 121.900.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng}$ là 9.142.500đ (chín triệu một trăm bốn

mười hai nghìn năm trăm đồng) và $0.00028\% \times 121.900.000đ \times 7 = 237.027$ đồng. Tổng số tiền lãi là 9.379.000đ (chín triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng (làm tròn).

[3]. Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng đề xuất của đại diện viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của HĐXX.

[4]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định, trả lại tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp theo quy định tại 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 280, 430, 351, 440, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/HD-TP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án tối cao hướng dẫn về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q. Buộc chị Lã Thị D có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn Q số tiền nợ gốc 121.900.000đ (một trăm hai mươi một triệu chín trăm nghìn đồng) và tiền lãi 9.379.000đ (chín triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng (làm tròn). Tổng cộng là 131.279.000đ ((một trăm ba mươi một triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn đồng (làm tròn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tiền gốc) theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc chị Lã Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.563.000đ (sáu triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng (làm tròn). Trả lại anh Q tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.048.000 đ (ba triệu không trăm bốn mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0002821 ngày 26/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án,

quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Uông Bí;
- TAND tỉnh Q. Ninh;
- THADS TP Uông Bí;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Đức

Phạm Thị Dung – Nguyễn Thị Xuân

Vũ Huy Hùng

Nơi nhận

- Các đương sự;
- VKSND TP Uông Bí;
- TAND tỉnh Q. Ninh;
- THADS TP Uông Bí;
- UBND p. Phương Đông, TP Uông Bí;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Huy Hùng